

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 13/07/2023 của UBND thị xã Duy Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại từ các căn nhà của dự án;
- Nguồn số 02: Nước thoát sàn, nước rửa từ nhà bếp, nhà vệ sinh từ các căn nhà của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

- Giai đoạn khi chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải của dự án, công suất 28m³/ngày đêm.

- Giai đoạn sau khi có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã:

+ Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại từ các căn nhà của dự án thoát vào hệ thống thu gom nước thải của dự án bằng ống HDPE D300 rồi đầu nối vào điểm thu gom nước thải của khu vực dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã tại phía Tây Bắc của đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình.

+ Dòng số 02: Nước thoát sàn, nước rửa từ nhà bếp, nhà vệ sinh từ các căn nhà của dự án thoát vào hệ thống thu gom nước thải của dự án bằng ống HDPE D300 rồi đầu nối vào điểm thu gom nước thải của khu vực dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã tại phía Tây Bắc của đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Giai đoạn chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Duy Tiên qua điểm tiếp thủy là trạm bơm Bùi II.

- Giai đoạn sau khi có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Duy Tiên qua điểm tiếp thủy là trạm bơm Hoàn Uyển.

2.3. Vị trí xả thải

- Tại hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực trước khi thoát vào kênh A 4-8 nhánh 29

- Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN 2000)

$$X=2287044,318; Y = 595892,846$$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 28 m³/ ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Giai đoạn khi chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Bom cưỡng bức.

- Giai đoạn sau khi có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn khi chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Thông số và giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, với K = 1).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	pH	-	5,0 – 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua	mg/l	1.0		
6	Amoni	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

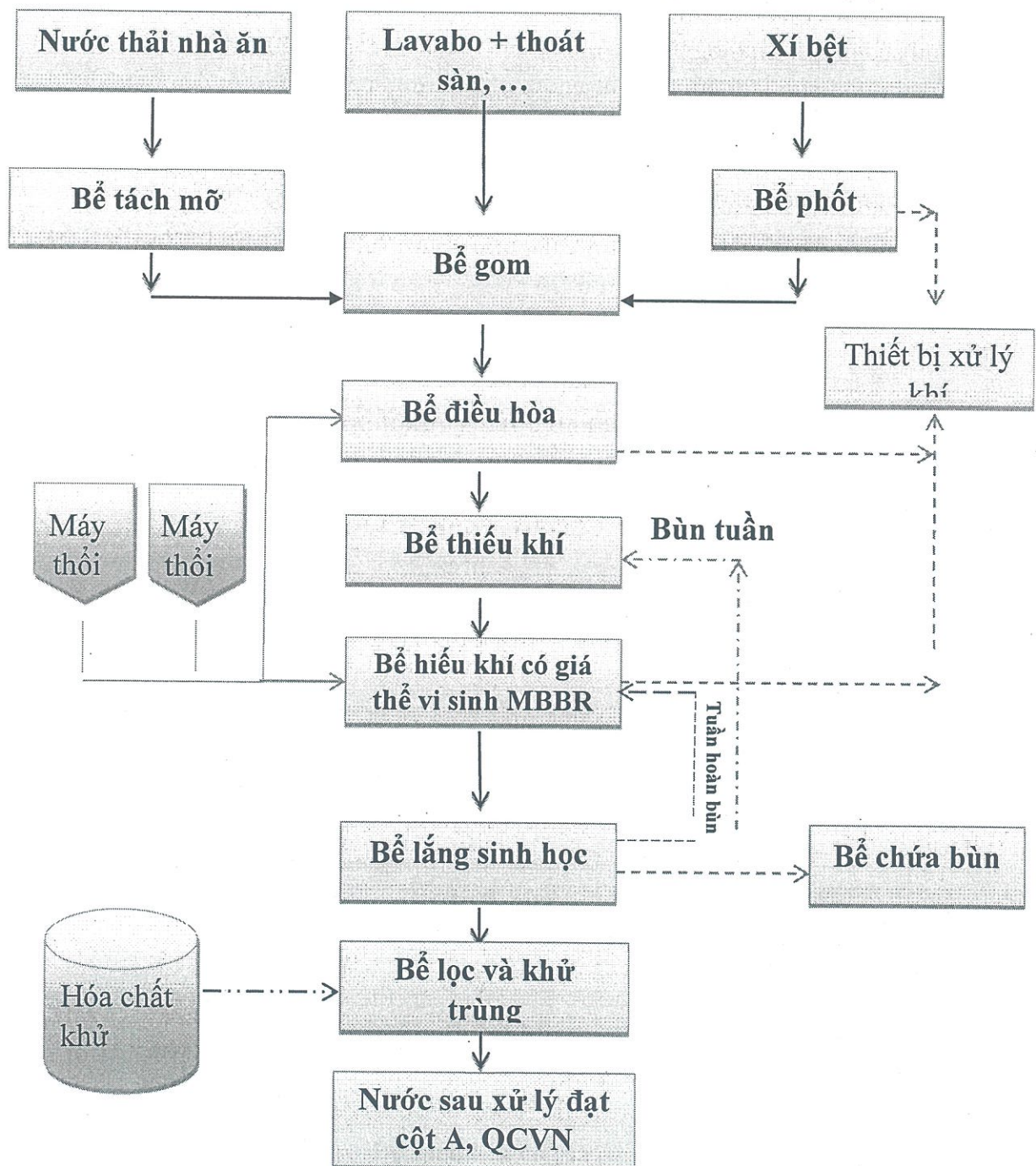
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa đến hệ thống xử lý nước thải của dự án:

- Giai đoạn chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Nước thải từ các căn nhà trong khu nhà ở thoát ra tuyến thu gom nước thải của khu nhà dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án. Hệ thống thoát nước thải của khu nhà ở là tuyến đường ống HDPE D300 chôn ngầm dưới vỉa hè (dài 429m) hoặc đường (dài 68m). Dọc theo tuyến thoát nước thải là các hố ga, toàn dự án có 23 hố ga.

- Giai đoạn sau khi có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Toàn bộ nước thải từ các căn nhà trong khu nhà ở thoát ra tuyến đường thu gom nước thải bằng ống HDPE D300 chôn ngầm dưới vỉa hè dẫn ra điểm đầu nối nước thải của dự án với hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Giai đoạn chưa có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch chung của thị xã: Dự án tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải, công suất 28m³/ngày đêm.



- Giai đoạn sau khi có trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã: Quy trình công nghệ như sau:

Nước thải từ khu nhà → Hệ thống đường ống dẫn → Điểm đầu nối nước thải của dự án với hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực → Trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của thị xã tại phía Tây Bắc đường cao tốc Cầu Giẽ – Ninh Bình → Trạm bơm Hoàn Uyển → Sông Duy Tiên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước.
- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước, kịp thời khắc phục sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày đủ điều kiện vận hành thử nghiệm (từ tháng 06/2025 đến tháng 12/2025, công suất dự kiến đạt 50% công suất thiết kế tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 28 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu: Tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép: QCVN 14:2008/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, với K = 1*).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc theo quy định tại khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (*quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Á Đông có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để bảo đảm vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải cho đến ngày bàn giao dự án cho địa phương.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước 10 ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải phải có văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm gửi UBND thị xã Duy Tiên để kiểm tra, giám sát.

